

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2024/HC-PT

Ngày 29 tháng 02 năm 2024.

V/v: “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Phan Đức Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 745/2023/TLPT-HC ngày 15 tháng 10 năm 2023 về việc “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm 44/2023/HC-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 291/2024/QĐPT-HC ngày 07 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Đinh Quốc D, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Lê Hồng T, sinh năm 1961. Địa chỉ: B Nguyễn Tử L, phường H, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (theo văn bản ủy quyền lập ngày 9-5-2022) (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Nhược Ý, sinh năm 1992. Địa chỉ: A N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 12/01/2024) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Quốc T1 – Công ty L1. Địa chỉ: A N, phường V, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyên H, chức vụ: Phó chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số 27/GUQ-UBND ngày 25-7-2022) (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phan Anh T2 - Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã N;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị T3, chức vụ: Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Nhật H1, chức vụ: Phó Chủ tịch (Giấy ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 02-8-2022) (có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Lê Thế D1. Địa chỉ: 4 L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Ngô Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ (có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1956. Địa chỉ: Chùa L, xã N, huyện Đ (có đơn xin vắng mặt).

3. Ông Huỳnh Ngọc Á, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ (có đơn xin vắng mặt).

4. Ông Hồ Dư T4, sinh năm 1952. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ (vắng mặt).

5. Ông Mai Minh Đ1, sinh năm 1952. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ (vắng mặt).

7. Ông Hồ Duy C, sinh năm 1951. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ (vắng mặt).

8. Ông Đinh Văn T5, sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ (vắng mặt).

9. Ông Đinh Bình H2, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện là ông Đinh Quốc D.

- *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của người khởi kiện ông Đinh Quốc D trình bày:

Trước năm 1990, ông ngoại của ông D tên là Nguyễn Văn N (sinh năm 1932, mất năm 2019), khai hoang một thửa đất khoảng 5 công đất, tại thôn T, xã N, nay thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ 42, diện tích 5083,5m², xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vị trí thửa đất: phía đông giáp đường đi (đường bê tông); phía tây giáp suối; phía Nam giáp thửa đất 58; phía Bắc giáp thửa đất 109. Sau khi khai hoang ông ngoại và mẹ của ông D là bà Nguyễn Thị H3 canh tác ổn định, trồng bắp, trồng đậu và trồng cây ăn trái như mít, bơ, cho đến khi bà H3 chết. Để có nơi trú mưa, tránh nắng và để dụng cụ lao động cũng như để sản phẩm thu hoạch trong mùa vụ. Ông ngoại và mẹ ông D đã làm một căn nhà móng xây bằng gạch, nền đồ xi măng, xung quanh đóng ván bìa bằng gỗ thông, mái lợp tôn Prô xi măng. Sát cạnh căn nhà ông ngoại có đào một cái giếng để lấy nước rửa chân tay và dụng cụ lao động cuối buổi, cuối ngày lao động. Năm 2008, ông D vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 15 năm tù phải cách ly khỏi xã hội, do cải tạo tốt và được giảm án, đến năm 2018 trở về sum họp với gia đình. Lúc này ông ngoại và mẹ của ông D đều bị bệnh và đau ốm thường xuyên nên không có điều kiện canh tác trông coi, chăm sóc cây cối, vườn tược, nên trâu bò vào phá phách cây trồng trên đất và căn nhà làm bằng ván bìa gỗ thông cũng mục nát bị sập (nay chỉ còn lại móng nhà và giếng nước cùng 02 cây mít cao khoảng hơn 10 mét).

Năm 2019, ông ngoại ông D mất, năm 2020 mẹ ông D mất. Trước khi mất, mẹ ông D đưa cho ông D tờ giấy do ông ngoại làm đơn để xin xác nhận đất ông N1 khai hoang, do ông để lại cho mẹ và nay mẹ để lại cho ông D. Sau khi ông ngoại và mẹ mất, ông D tiếp tục canh tác trồng trọt trên thửa đất 42, tờ bản đồ 42, thì bị UBND xã N ngăn cản, yêu cầu ông D không được làm với lý do đất của gia đình ông D đã bán đấu giá xong rồi và đưa cho ông D xem Thông báo về việc đấu giá tài sản của Trung tâm D4, ngày 07-7-2021 (thuộc sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng), do giám đốc Dương Văn T6 ký, trong đó có thửa đất 42 của gia đình ông D. (Sau đó ông D chụp lại và nhờ người kiểm tra thì không có thửa 42, tờ bản đồ 42 của gia đình ông D, mà thửa bán đấu giá là thửa 42, tờ bản đồ 55). Ngày 30-9-2021, Chủ tịch UBND xã N mời ông D lên UBND xã làm việc, trước khi làm việc, Chủ tịch và cán bộ địa chính xã cùng ông D vào thửa đất của gia đình ông D để kiểm tra thực tế số cây ông D đã trồng trên đất, sau đó về trụ sở UBND xã lập biên bản

làm việc. Quá trình làm việc, UBND xã chỉ căn cứ vào tờ bản đồ địa chính đo đạc năm 2013 và cho rằng tên chủ đăng ký sử dụng thửa đất 42, TĐĐ 42 là của UBND xã N, thửa đất của gia đình ông D chưa được đo đạc bản đồ địa chính cũ đo đạc năm 1994, để xã khẳng định đất của gia đình ông D là đất công. Từ đó lập biên bản vi phạm hành chính, về hành vi: Chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn là đất công do UBND xã N quản lý, quy định tại điểm khoản 1 Điều 14, Nghị định số 91/2019, ngày 19-11-2019, nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ông D không đồng ý với việc UBND xã N biên bản vi phạm hành chính nên ngày 03-10-2021, ông D làm đơn khiếu nại gửi các cấp lãnh đạo Tỉnh Ủy, lãnh đạo UBND tỉnh và các cấp chính quyền huyện Đ về việc đất của gia đình ông D xã Đ cho là đất công. Trong lúc đơn khiếu nại của ông D chưa được xem xét giải quyết, thì ngày 06-10-2021, UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 200/QĐ-UBND, về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông D, số tiền phạt 10.000.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và buộc phải trả lại đất đã lấn chiếm. Ngày 13-10-2021, ông D làm đơn khiếu nại QĐ xử phạt hành chính do UBND huyện Đ ban hành. Ngày 28-10-2021, Chủ tịch UBND huyện Đ ra Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại của ông D. Ngày 18-11-2021, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ tiến hành làm việc với ông D và xác minh nội dung đơn khiếu nại của ông D. Ngày 12-4-2022, Chủ tịch UBND huyện Đ ra quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu: nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại Quyết định số 200/QĐ – XPVPHC, ngày 06-10-2021, của UBND huyện Đ về việc xử phạt vi phạm hành chính.

Ông Đình Quốc D không đồng ý với quyết định xử phạt và quyết định giải quyết khiếu nại bởi các lý do sau:

- UBND huyện Đ không có tài liệu chứng minh nguồn gốc thửa đất của ông D đang canh tác sử dụng là đất công. UBND huyện Đ không có tài liệu chứng cứ chứng minh việc quản lý, sử dụng đất công từ năm 2013 đến nay như thế nào mà chỉ sử dụng những lời khai của một số người không đủ tư cách làm chứng và những người đã chết để làm chứng, để xác định đất của gia đình ông D bỏ hoang rồi không chấp nhận khiếu nại của ông D là không đủ cơ sở.

- Đất của gia đình ông D có nguồn gốc rõ ràng, ngày 07-12-1990 ông ngoại của ông D đã làm đơn xin xác nhận nguồn gốc khai phá đất đai, nội dung đơn xác định rõ diện tích “khoảng 5 công đất tại vị trí đỉnh đồi nhìn ra sông bên P từ khi vào đất Thiện C1 lập nghiệp”, nay là thửa 42, tờ bản đồ 42, nhưng do cuộc sống nghèo khó, vất vả, bận rộn của người dân lao động và do nhận thức pháp luật lạc hậu, nên ông ông D không đến UBND xã để đăng ký quyền sử dụng đất. Hơn nữa năm 2013, ông D đang đi chấp hành án theo bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, nên không giúp ông ngoại đến UBND xã để đăng ký quyền sử dụng đất.

- Sau khi UBND xã N khẳng định đất của gia đình ông D là đất công, ông D đã gặp nhân chứng là những người cao tuổi trong thôn, hai người từng là thôn trưởng họ đều xác nhận thửa đất 42, TĐĐ 42 hiện ông D đang canh tác, sử dụng là đất của ông ngoại ông D khai phá.

- Ngoài ra trên thửa đất hiện còn cây ăn trái là 2 cây mít cao khoảng hơn 10 mét và có cả móng nhà xây bằng gạch, giếng nước, chứng minh là đất của gia đình ông D.

- Nếu UBND huyện Đ cho rằng đất của gia đình ông D là đất công thì cấp nào đã ra quyết định thu hồi? Việc quản lý sử dụng đất công như thế nào từ năm 2013 đến nay? UBND xã Đ có tác động gì trên thửa đất trước đây đất rừng, là đất lâm nghiệp, sau này là đất trồng cây lâu năm, để có hiện trạng đất như hiện nay?

Từ những lý do trên, ông Đinh Quốc D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 06-10-2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

- Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 20/QĐ-UBND-ĐT ngày 12-4-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đinh Quốc D.

*** Theo ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đ trình bày:**

1. Nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), thôn N, xã N:

Vào khoảng năm 1990, do đất khu vực xung quanh đề hoang, không có ai canh tác nên ông Võ Đức H4 (Pháp danh Q, hiện nay đã chết) có dựng căn nhà tranh, vách đất, móng xây đá chẻ trên đất và đào giếng nước để ở, sinh hoạt. Trong thời gian ở tại căn nhà thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), xã N, ông Võ Đức H4 xây dựng Chùa L2 (C2 vẫn còn nguyên hiện trạng từ trước đến nay). Khoảng năm 1992, ông Võ Đức H4 cúng dường căn nhà vách đất, giếng đào tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), xã N và Chùa L cho bà Nguyễn Thị N2 (Pháp danh Hải Triều A là sư phụ của bà Nguyễn Thị P, hiện nay đã chết). Sau khi bà Nguyễn Thị N2 nhận cúng dường, đã cho bà Nguyễn Thị P đã ở tại căn nhà vách đất tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), xã N Ngoài vị trí căn nhà vách đất trên nền móng đá thì kề bên gần suối nước vẫn có 01 nền nhà của bà Nguyễn Thị Kim L (Pháp danh Pháp H5, hiện nay đã chết) là người hộ giới của Chùa L2 đã ở tại đây. Khoảng năm 2000, do nhà vách đất xuống cấp, hư hỏng và cùng với việc bà Nguyễn Thị Kim L chết nên bà Nguyễn Thị P về lại chùa chính là Chùa L2 hiện tại để ở cho đến hiện nay. Căn nhà vách đất lâu ngày hư hỏng, tự sụp đổ, hiện nay vẫn còn hiện trạng móng nhà bằng đá chẻ và giếng đào. Thời điểm bà ở tại căn nhà vách đất thì xung quanh khu vực đó chưa có nhà ở, đất hoang không có ai canh tác, sử dụng.

Bà Võ Thị Kim M (hiện nay vẫn còn sống) cho biết nguồn gốc các cây thông trồng tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), xã N hiện tại là do lực lượng học sinh và người dân trong các thôn N, T trồng cho Tập đoàn, không phải riêng của cá nhân nào, nhưng hiện nay bà không nhớ rõ tên Tập đoàn và khoảng thời gian trồng. Ngày 24-02-2022, UBND xã N làm việc với ĐD Ban QLRPH Đại Ninh, ông Huỳnh Ngọc Á (trưởng thôn Ninh T7 và ông Ngô Đ (công dân thôn N). Ông Ngô Đ cho biết ông cư trú tại thôn N từ năm 1975, những cây thông trồng

tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), xã N hiện tại là do ông trực tiếp tham gia trồng cùng dân cư thôn N và thôn T vào năm 1985, thời điểm đó huyện D giao khoán trồng cây thông đôi gạo (trước đây xã N thuộc huyện D). Các cây xà cừ trên đất được lực lượng dân quân xã N vào khoảng năm 2002 (thời điểm bố trí tái định cư cho người dân bị ảnh hưởng Công trình thủy điện Đ). Móng nhà là của Chùa L2 cũ trước đây xây dựng, sau đó di dời qua chùa mới thì nhà cũ sụp đổ. Hiện trạng vẫn còn móng nhà bằng đá chẻ tại vị trí trên. Ông Huỳnh Ngọc Á cho biết các cây muồng lớn do Chùa L2 trồng khoảng năm 2000 do thời điểm đó một số cây thông bị chặt hạ nên nhà chùa trồng xen thêm. Năm 2017, ông có trồng thêm một số cây muồng trên đất để giữ đất công cho UBND xã N Từ trước đến nay, diện tích đất này là đất trồng thông, có một số cây chòi dầu tái sinh, là đất công cho UBND xã N quản lý, không có bất cứ cá nhân nào canh tác, sử dụng trên diện tích đất này. Ông Trần Mạnh T8 – đại diện Ban Q cho biết diện tích thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), xã N hiện nay đã đưa ra ngoài quy hoạch đất lâm nghiệp. Qua kiểm tra ảnh vệ tinh năm 1985 có màu xanh của cây rừng, ảnh vệ tinh năm 2009 thể hiện rõ cây thông trồng tại vị trí đất trên. Qua làm việc, các thành phần tham gia cam kết về tính chính xác các thông tin do mình cung cấp. Hiện trạng, các cây thông, xà cừ và cây muồng do thôn, lực lượng dân quân xã N và chùa L2 trồng, không phải của bất cứ cá nhân nào. Trên đất hiện nay vẫn còn nhiều cây chòi dầu tái sinh. Ngoài ra, ngày 07-10-2021 UBND xã N làm việc với các ông Hồ Dur T4, ông Hồ Duy C, ông Mai Minh Đ1 và ông Tống Văn V là các cá nhân ký xác nhận nguồn gốc canh tác đất cho ông Nguyễn Văn N (ông ngoại của ông Đình Quốc D). Qua làm việc, các ông chỉ cho biết thời điểm khoảng năm 1980 có thấy ông Nguyễn Văn N khai phá đất rừng, canh tác hoa màu tại vị trí đất trên nhưng về sau thì các ông không biết ông Nguyễn Văn N canh tác đến thời gian nào và diện tích đất canh tác là bao nhiêu.

2. Ý kiến của UBND huyện Đ đối với khiếu nại của ông Đình Quốc D: Sau khi đo đạc bản đồ địa chính tổng thể năm 2013, UBND xã N đã đăng ký thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), xã N vào hồ sơ địa chính là đất công do UBND xã N quản lý và thực hiện quản lý theo quy định. Đến tháng 09-2021, ông Đình Quốc D mới trồng các cây trồng trên đất và UBND xã N đã lập biên bản vi phạm hành chính.

Ông Đình Quốc D không cung cấp được các giấy tờ hợp pháp chứng minh gia đình ông đã sử dụng ổn định thửa đất số 42 nêu trên từ trước năm 1988 đến nay; không kê khai đăng ký, cấp GCNQSD đất cũng như không thực hiện nghĩa vụ thuế sử dụng đất đối với diện tích nêu trên. Trong quá trình kiểm tra, UBND xã N đã nhiều lần lập biên bản ghi nhận hiện trạng việc tác động nhằm mục đích chiếm đất trái phép.

Thực hiện Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 22-4-2021 của UBND huyện Đ v/v phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá cho thuê đất công ích trên địa bàn các xã, thị trấn L; Văn bản số 846/UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện Đ v/v tăng cường công tác quản lý đất công ích trên địa bàn các xã, thị trấn. UBND xã N phối hợp cùng Trung tâm DV ĐGTS thuộc Sở Tư pháp Lâm Đồng tổ chức đấu giá cho thuê diện tích đất công do UBND xã N đang quản lý. Trong

phiên mở đấu giá ngày 17-9-2021 tại UBND xã N, đã xác định được người trúng đấu giá thuê thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), xã N, diện tích 5083,5m² đất CLN, thời hạn thuê là 05 năm kể từ ngày bàn giao đất. UBND xã N cùng Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh L ký Hợp đồng thuê đất công ích xã số 16- thửa 42/HĐTĐ-SHNN ngày 17-9-2021 với ông Lê Thế D1 là người trúng đấu giá quyền thuê thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), xã N

Trong thời gian chờ bàn giao đất cho người trúng đấu giá quyền thuê đất thì ngày 29-9-2021, ông Đinh Quốc D lại tiếp tục cho người vào thực hiện phát cỏ, chặt gốc cây tại thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), xã N UBND xã N phối hợp cùng Công an xã đã vào lập biên bản ghi nhận hiện trạng đất bị tác động. UBND xã N đã yêu cầu các đối tượng ngừng việc tiếp tục tác động đến diện tích đất công do UBND xã N quản lý. Tuy nhiên, các đối tượng vẫn không chấp hành thực hiện theo yêu cầu của UBND xã N, tỏ thái độ tin thách thức, quay phim, ghi hình cán bộ thực hiện nhiệm vụ. Ngày 30-9-2021, UBND xã N xác lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Đinh Quốc D do thực hiện hành vi vi phạm chiếm đất công do UBND xã N quản lý, tổng diện tích đất bị chiếm dụng theo ranh ông Đinh Quốc D chỉ dẫn là 4657,5m² (120m chiều dài mặt đường bê tông), gồm diện tích con đường đi nền đất theo hiện trạng, được đo đạc bản đồ địa chính năm 2013 và một phần thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), xã N

Ngày 01-10-2021, UBND xã N có Tờ trình số 210/TTr-UBND gửi UBND huyện Đ đề nghị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đinh Quốc D theo quy định của pháp luật. Ngày 06-10-2021, UBND huyện Đ ban hành Quyết định xử phạt VPHC số 200/QĐ-XPVPHC đối với ông Đinh Quốc D do đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn, quy định tại điểm c, khoản 1, điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ về xử phạt VPHC trong lĩnh vực đất đai. Bị áp dụng hình thức xử phạt chính: phạt tiền với mức phạt là 10.000.000 đồng, biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm.

Căn cứ quá trình sử dụng đất nêu trên thì hành vi của ông Đinh Quốc D thuộc trường hợp chiếm đất, vi phạm quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, UBND huyện ban hành Quyết định số 200/QĐ-XPVPHC ngày 06-10-2021 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đinh Quốc D với hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn là đúng quy định.

Sau khi nhận quyết định xử phạt VPHC của UBND huyện Đ, ông Đinh Quốc D đã có đơn khiếu nại Quyết định số 200/QĐ-XPVPHC ngày 06-10-2021 của Chủ tịch UBND huyện. Căn cứ các quy định hiện hành, UBND huyện đã tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của ông Đinh Quốc D theo đúng quy trình, thủ tục, nên việc ông Đinh Quốc D khiếu kiện Quyết định số 200/QĐ-XPVPHC ngày 06-10-2021 và Quyết định số 20/QĐ-UBND-ĐT ngày 12-4-2022 v/v giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đinh Quốc D của UBND huyện là không có cơ sở.

3. Các căn cứ pháp lý của thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), xã N: Thuộc diện tích đất công do UBND xã N quản lý, chưa được đo đạc bản đồ địa chính 299 và trích đo bản đồ 00. Sổ mục kê năm 2013 lưu tại UBND xã N thể hiện thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42 (2013) có diện tích 5.083,5m² là đất do UBND xã N quản lý. Bản đồ phân định nông nghiệp, lâm nghiệp huyện Đ được phê duyệt tại Quyết định số 785/QĐ-UB ngày 31-03-1998 và Quyết định điều chỉnh số 1687/QĐ-UB ngày 27/6/2000, thửa đất số 42 có 560m² thuộc phân định lâm nghiệp và 4523,5m² thuộc phân định nông nghiệp. Bản đồ kèm theo Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09-10-2018 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt kết quả điều chỉnh quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 – 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 08-3-2021 về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 3 Điều 1 Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09-10-2018 của UBND tỉnh L thuộc đất ngoài lâm nghiệp; bản đồ Quy hoạch sử dụng đất huyện Đ điều chỉnh đến năm 2020 được UBND tỉnh L phê duyệt tại Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 thuộc quy hoạch đất ở nông thôn và đất giao thông.

*** Theo ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã N trình bày:**

Qua kiểm tra cho thấy: Ngày 30-9-2021, UBND xã N biên bản vi phạm hành chính số 85/BB-VPHC đối với ông Đinh Quốc D do có hành vi chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn là đất công do UBND xã N quản lý. Diện tích 4.657,5m² gồm con đường đi hiện trạng nền đất diện tích 405m² (rộng từ 4,5m-6m, dài 76m) và một phần thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42, xã N, diện tích 4.252,5m². Ông Đinh Quốc D đã trồng cây trên đất đã chiếm gồm 31 cây mắc ca, cao khoảng 40cm; 10 cây bơ, cao khoảng 40cm; 11 gốc chuối, cao khoảng 30cm, đường kính 4cm. Thời điểm phát hiện hành vi vi phạm tháng 9 năm 2021, hành vi nêu trên đã vi phạm quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 01-10-2021, UBND xã N đã có tờ trình số 210/TTr-UBND về việc đề nghị xử lý hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai đối với ông Đinh Quốc D, chuyển Phòng T tham mưu xử lý theo quy định. Hồ sơ đã được Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra và có tờ trình số 2608/TTr-TNMT ngày 05-10-2021 về việc đề nghị ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Phòng Tư pháp huyện có báo cáo kiểm tra hồ sơ xử lý vi phạm hành chính đối với ông Đinh Quốc D tại báo cáo số 459/BC-TP ngày 06-10-2021. Qua kết quả tham mưu của các phòng ban chuyên môn thuộc huyện UBND huyện đã ban hành Quyết định số 200/QĐ-XPVPHC ngày 06-10-2021 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đinh Quốc D do có hành vi vi phạm hành chính chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Bị áp dụng hình thức xử phạt phạt tiền với mức phạt là 10.000.000 đồng; biện pháp khắc phục hậu quả: buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm

theo quy định tại điểm a, Khoản 7, Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ. Qua kiểm tra cho thấy: Hiện trạng trên thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42, xã N có trồng các cây trồng theo biên bản kiểm tra ngày 30-9-2021 và biên bản vi phạm hành chính số 85/BB-VPHC của UBND xã N Theo ông Đinh Quốc D trình bày: Trên đất có 25 cây thông, đường kính từ 20-50 cm, cao khoảng 13m do ông ngoại ông trồng trước đây (không rõ thời gian), cây muồng, xà cừ đã trồng từ lâu (không rõ ai trồng); các cây bơ, mít, mắc ca do ông Đinh Quốc D trồng) và một số cây chuối, cây mít do ông Đinh Quốc D mới trồng thêm sau khi UBND xã N biên bản vi phạm hành chính. Trên thửa đất số 42 có móng nhà xây gạch, tô xi măng, diện tích khoảng 20m do ông ngoại của ông xây làm nhà trú mưa nắng, phục vụ sản xuất nông nghiệp, thời gian xây đã lâu (ông không nhớ rõ) và còn có 01 cái giếng đào trước đây do ông ngoại ông đào, hiện nay đã lấp.

Qua kết quả kiểm tra, xác minh của cơ quan chuyên môn thuộc huyện thể hiện:

- Vào khoảng năm 1990, do đất khu vực xung quanh để hoang, không có ai canh tác nên ông Võ Đức H4 (Pháp danh Q, hiện nay đã chết) có dựng căn nhà tranh, vách đất, móng xây đá chẻ trên đất và đào giếng nước để ở, sinh hoạt, sau đó không ai sử dụng nên căn nhà đã tự sụp đổ. Các cây thông, xà cừ và cây muồng do thôn, lực lượng dân quân xã N và chùa L2 trồng, không phải của bất cứ cá nhân nào. Trên đất hiện nay vẫn còn nhiều cây chồi dầu tái sinh.

- UBND xã N đã đăng ký vào hồ sơ địa chính là đất công do UBND xã N quản lý và thực hiện quản lý theo quy định. Đến tháng 09-2021, ông Đinh Quốc D mới trồng các cây trồng trên đất và UBND xã N đã lập biên bản vi phạm hành chính. Ông Đinh Quốc D không cung cấp được các giấy tờ hợp pháp chứng minh gia đình ông đã sử dụng ổn định thửa đất số 42 nêu trên từ trước năm 1988 đến nay; không kê khai đăng ký, cấp GCNQSD đất cũng như không thực hiện nghĩa vụ thuế sử dụng đất đối với diện tích nêu trên.

Theo bản đồ phân định nông lâm tại huyện Đ được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 785/QĐ-UB ngày 31/3/1998 và Quyết định điều chỉnh số 1687/QĐ-UB ngày 27-6-2000 thì vị trí thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42(2013), xã N thuộc phân định đất nông nghiệp. Theo Quyết định 2016/QĐ-UBND ngày 09-10-2018 của UBND tỉnh L phê duyệt kết quả điều chỉnh quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 3 Điều 1 Quyết định 2016/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh thì vị trí thửa đất số 42 nêu trên thuộc đất ngoài lâm nghiệp. Bản đồ địa chính thể hiện vị trí thửa đất số 42 nêu trên chưa được đo đạc bản đồ 299 xã N Sổ mục kê năm 2013 lưu tại UBND xã N thể hiện thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42 (2013) có diện tích 5.083,5m² là đất do UBND xã N quản lý.

- Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu của người khởi kiện: Thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42 (2013), xã N là đất công do

UBND xã N quản lý. Theo Khoản 2, Điều 3, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai quy định:

“2. Chiếm đất là việc sử dụng đất thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự ý sử dụng đất mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép;

... Theo Điểm c, Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ quy định:

“1. Trường hợp lấn, chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn thì hình thức và mức xử phạt như sau: c) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với diện tích đất lấn, chiếm từ 0,1 héc ta đến dưới 0,5 héc ta;”

Căn cứ các quy định nêu trên thì hành vi của ông Đinh Quốc D thuộc trường hợp chiếm đất, vi phạm quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Do đó, UBND huyện ban hành Quyết định số 200/QĐ-XPVPHC ngày 06-10-2021 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đinh Quốc D với hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn và Quyết định số 20/QĐ-UBND-ĐT ngày 12-4-2022 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Đinh Quốc D là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng căn cứ các hồ sơ có liên quan, xem xét xét xử vụ án theo đúng quy định.

*** Theo ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thế D1 trình bày:**

Ông D1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2023/ HC-ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 38, Điều 58, Điều 66, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 38, khoản 2 Điều 40 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Luật khiếu nại năm 2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 15/5/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư 05/2021/TT-TTCP ngày 01-10-2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Quốc D về việc “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai” đối với yêu cầu:

- *Hủy Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 06-10-2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Đình Quốc D.*

- *Hủy Quyết định số 20/QĐ-UBND-ĐT ngày 12-4-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Đình Quốc D (lần đầu).*

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Trong hạn luật định ông Đình Quốc D kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định kháng nghị số 317/QĐ – VKS – HC với nội dung đề nghị Toà án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không đối thoại với nhau về việc giải quyết vụ án, người kháng cáo vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kháng nghị.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát, hủy Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau.

[1] Ngày 06-10-2021 UBND huyện Đ ban hành Quyết định số 200/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Đình Quốc D với hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực nông thôn. Sau khi nhận quyết định xử phạt VPHC của UBND huyện Đ, ông Đình Quốc D đã có đơn khiếu nại Quyết định số 200/QĐ-XPVPHC ngày 06-10-2021 của Chủ tịch UBND huyện. Căn cứ các quy định hiện hành, UBND huyện đã tiếp nhận và giải quyết khiếu nại của ông Đình Quốc D. Ngày 12 – 4- 2022 UBND huyện có Quyết định số 20/QĐ-UBND-ĐT v/v giải quyết khiếu nại của ông Đình Quốc D với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Đình Quốc D.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Đình Quốc D và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tính pháp lý của đất đai do ông D khiếu nại:

Ông Đình Quốc D cho rằng việc sử dụng đất của ông là hợp pháp nên việc xử phạt vi phạm hành chính của UBND huyện Đ là không đúng pháp luật. Như vậy ông D có nghĩa vụ chứng minh việc sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông.

Xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử xét thấy: Ông D cho rằng nguồn gốc đất là do ông ngoại và cha mẹ để lại, tuy nhiên ông D thừa nhận không có chứng cứ pháp lý nào thể hiện việc ông ngoại ông D là ông Nguyễn Văn N để lại đất như; các giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ hợp pháp khác chứng minh diện tích đất nêu trên là của ông ngoại ông D theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đối với Đơn xin xác nhận nguồn gốc khai phá đất đai đề ngày 07-6-1990 của ông Nguyễn Văn N (BL 26) không có xác nhận của chính quyền địa phương, nội dung đơn thể hiện “ông N có khai hoang 5 công đất tại vị trí đỉnh đồi nhìn ra sông B để trồng bắp, trồng đậu, vì con đông và nhà nghèo khó. Nếu sau này sức yếu già không canh tác được nữa thì để lại cho con gái đầu là Nguyễn Thị H3 sinh năm 1962. Nếu con gái Nguyễn Thị H3 không canh tác được thì giao lại cho các con của mình vì các cháu sớm mồ côi cha, phải quyết tâm giữ miếng đất này để sản xuất”.

Căn cứ vào đơn của ông N, ông D có Đơn xin ý kiến dân lý xác nhận về nguồn gốc đất khai hoang ngày 27-9-2021 (BL 29-31), tại đơn này có chữ ký xác nhận của các ông bà Mai Minh Đ1, Tống Văn V, ông Hồ Dư T4, ông Hồ Duy C3, ông Phạm Văn Đ2, ông Nguyễn Phú T9, ông Võ Văn T10, ông Nguyễn Phú D3; nội dung xác nhận “ông Nguyễn Văn N có canh tác lô đất trên vào năm 1988”, không có nội dung nào xác nhận gia đình ông D sử dụng đất ổn định từ năm 1988 đến thời điểm năm 2021 như ông D trình bày. Xét về các tài liệu chứng cứ là giấy xác nhận nêu trên cũng không phải là giấy tờ hợp pháp thể hiện tính pháp lý theo quy định của pháp luật về đất đai để chứng minh là đất trên của ông ngoại ông D để lại.

Xét về quá trình thực tế quản lý sử dụng đất:

Trước năm 2013, vị trí đất trên thuộc diện tích đất công do UBND xã N quản lý, chưa được đo đạc bản đồ địa chính 299 và trích đo bản đồ 00. Sổ mục kê năm 2013 lưu tại UBND xã N thể hiện thửa đất số 42, tờ bản đồ số 42 (2013) có diện tích 5.083,5m² là đất do UBND xã N quản lý (BL 171). Diện tích đất này đã được UBND xã N cho ông Lê Thế D1 thuê theo Hợp đồng thuê đất công ích ngày 17-9-2021.

Theo Bản đồ phân định nông nghiệp, lâm nghiệp huyện Đ được phê duyệt tại Quyết định số 785/QĐ-UB ngày 31-03-1998 và Quyết định điều chỉnh số 1687/QĐ-UB ngày 27-6-2000, thửa đất số 42 có 560m² thuộc phân định lâm nghiệp và 4523,5m² thuộc phân định nông nghiệp. Bản đồ kèm theo Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09-10-2018 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt kết quả điều chỉnh quy hoạch đất sản xuất lâm nghiệp và cơ cấu 03 loại rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 08-3-2021 về việc điều chỉnh, bổ sung khoản 3 Điều 1 Quyết định số 2016/QĐ-UBND ngày 09-10-2018 của UBND tỉnh L thuộc đất ngoài lâm nghiệp; bản đồ Quy hoạch sử dụng đất huyện Đ điều chỉnh đến năm 2020 được UBND tỉnh L phê duyệt tại Quyết định số 1410/QĐ-UBND ngày 27-6-2019 thuộc quy hoạch đất ở nông thôn và đất giao thông.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông D có cung cấp một số người làm chứng cho rằng gia đình ông có quá trình sử dụng đất ổn định lâu dài; xét thấy:

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ ngày 05-8-2022 (bút lục 204-251) và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12-4-2023 (bút lục 315-317) thể hiện: lô đất có diện tích 4.121,6m² (Diện tích thuộc lộ giới 753,6m², Diện tích không thuộc lộ giới 3.371,3m²) thuộc một phần thửa 42 tờ bản đồ 42(2013) và thuộc một phần thửa 242 tờ bản đồ 14 (299) xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; có tứ cận Đông giáp đường bê tông, Tây giáp suối, Nam giáp thửa 58, Bắc giáp đường mòn. Hiện trạng trên đất có 21 cây Thông lớn theo ông D trình bày do ông ngoại của ông là Nguyễn Văn N trồng vào khoảng năm 1980. 01 cây đa cổ thụ mọc tự nhiên, 01 nền nhà móng đá chẻ, 01 giếng đào tay bỏ hoang. 02 cây Mít do ông H2 và mẹ ông D trồng khoảng năm 2015, 01 bụi tre do ông H2 trồng khoảng năm 2014, Một số cây Cà phê cây Mít, cây Mắc ca, cây B do ông D trồng từ tháng 9 năm 2021.

Tại các Biên bản làm việc của UBND xã N (BL 120-124), các ông Tổng Văn V, ông Hồ Duy C3, ông Mai Minh Đ1, ông Hồ Dư T4 (là những người xác nhận cho ông D) đều trình bày: Các ông chỉ xác nhận việc có thấy ông N canh tác ở vị trí đất trên, nhưng cụ thể nguồn gốc và diện tích đất như thế nào các ông không biết, các cây trồng trên đất như hiện nay do ai trồng các ông cũng không biết.

Theo ý kiến của người làm chứng bà Nguyễn Thị P: Bà P đến xã N, huyện Đ từ năm 1992, vị trí đất thửa 42 trước đây toàn bộ là cây thông, thời điểm trồng trước năm 1992, hiện này còn lại một số cây. Căn nhà tranh, vách đất, móng xây đá chẻ trên đất và đào giếng nước giáp suối do bà và tăng ni làm để ở, sinh hoạt khoảng 7 năm, phần phía trên là rừng thông. Sau này không ai sử dụng nên căn nhà đã tự sụp đổ, hiện này còn móng đá chẻ và giếng nước. Trong quá trình ở tại căn nhà tranh thì không có ai tác động đến vị trí đất trồng thông và cũng không biết ai là ông Nguyễn Văn N sinh sống tại khu vực trên. Đến năm 2022, thì có người đến phá móng nhà trên đất thì bà P không đồng ý, khi bà P ngăn cản thì có người tên Đinh Quốc D tự nhận là cháu ông Nguyễn Văn N và cho rằng móng nhà là của ông N nhưng khi bà P nói móng nhà do bà làm thì ông D không tác động nữa. Ngoài ra các bụi tre giáp suối do các sư thầy trồng khoảng năm 1990 đến 1992 để giữ đất không bị trôi xuống suối, hiện này còn lại một số bụi tre (bút lục 311).

Theo ý kiến của người làm chứng ông Ngô Đ: Ông cư ngụ tại địa phương từ năm 1975, thời điểm năm 1982-1985 có phong trào trồng ngo (thông) của học sinh, bồi dưỡng, người dân kết hợp, thời điểm này ông là học sinh và có tham gia. Tại vị trí thửa 42 mà ông D bị xử phạt thì ông Đ là người trực tiếp tham gia trồng thông. Khoảng năm 2000-2002, ông Đ có thấy ở phía dưới giáp suối, sau rừng thông có cốc là nơi ở và tu của các sư cô chùa L2. Ngoài ra, từ đó đến nay ông Đ không thấy ai canh tác gì trên đất (bút lục 312).

Với những viện dẫn nêu trên thấy rằng chưa có đủ căn cứ để khẳng định gia đình ông D qua các thế hệ từ ông ngoại đến cha mẹ và sau này đến ông D có việc quản lý sử dụng cánh tác ổn định liên tục trên diện tích đất nêu trên.

Từ những viện dẫn phân tích nhận định nêu trên xét thấy; Toà án sơ thẩm đã thu thập chứng cứ đầy đủ đồng thời xem xét đánh giá chứng cứ khách quan toàn diện và đầy đủ đồng thời áp dụng đúng các quy định của pháp luật về đất đai để không chấp nhận đơn khởi kiện của ông D là có cơ sở đúng pháp luật. Ông D kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới làm thay đổi nội dung vụ án do vậy đơn kháng cáo của ông D không có căn cứ được chấp nhận.

Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng cần phải huỷ án sơ thẩm là không có căn cứ bởi lẽ như đã viện dẫn phân tích nêu trên. Việc Toà án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ đầy đủ, mặt khác việc cung cấp chứng cứ là nghĩa vụ của ông D, Toà án sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ đúng pháp luật, do vậy kháng nghị của Viện kiểm sát là không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Đình Quốc D không được chấp nhận nên ông Đình Quốc D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Đình Quốc D. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 317/QĐ – VKS – HC ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2023/HC- ST ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 206 của Luật tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 38, Điều 58, Điều 66, Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 38, khoản 2 Điều 40 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Luật khiếu nại năm 2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 15/5/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư 05/2021/TT-TTCT ngày 01-10-2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đình Quốc D về việc “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai” đối với yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 06-10-2021 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Đình Quốc D.

- Hủy Quyết định số 20/QĐ-UBND-ĐT ngày 12-4-2022 của Chủ tịch UBND huyện Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Đình Quốc D (lần đầu).

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đình Quốc D phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật, được trừ vào số tiền 300.000 đồng nộp tạm ứng án phí hành chính, theo biên lai thu số 0014845 ngày 07/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP.Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Lâm Đồng; (1)
- VKSND tỉnh Lâm Đồng; (1)
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng; (1)
- Người khởi kiện; (1)
- Người bị kiện; (1)
- NCQLNVLQ; (9)
- Lưu VT (5), HS (2) (Án - Tâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Xuân Thành